

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST

Ngày: 15-3-2022

“V/v tranh chấp kinh doanh
thương mại về mua bán hàng
hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mỹ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Phú Hữu

2. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh:* Ông Nguyễn Minh Tâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08, 15 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 844/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 07/2022/QĐST-DS ngày 12/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Minh V là chủ Doanh nghiệp tư nhân V

Địa chỉ: Số 304, Quốc lộ 30, phường M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Minh V là ông Nguyễn Tú H, sinh năm 1984; địa chỉ: 304, Quốc lộ 30, phường M, thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

Bị đơn: Nguyễn Hùng D Là chủ Đại lý vật tư nông nghiệp H

Địa chỉ: ấp Ngã Tư, xã B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H), sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp Ngã Tư, xã B, huyện Tân Hưng, Long An.

(Ông H có mặt tại phiên tòa; ông D, bà H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Tú H trình bày:

Ngày 01/9/2019 Doanh nghiệp tư nhân Va và Đại lý vật tư nông nghiệp H ký hợp đồng mua bán số 0139-NT/HĐMB/2019-2020, về việc mua bán phân bón, với điều kiện thanh toán là không được quá thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận hàng.

Đến ngày 30/9/2020 Đại lý vật tư nông nghiệp H còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V số tiền 640.446.000đ. Trong đó, tiền gốc mua phân bón là 573.326.000đ và tiền lãi là 67.120.000đ (mức lãi 1%/tháng).

Hai bên có biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 20/6/2020 và bản chi tiết lãi tính đến ngày 19/6/2020 với số tiền nợ gốc là 873.326.000đ và tiền lãi là 44.250.000 đồng (mức lãi suất 1%/tháng tính cho từng phiếu xuất kho và phiếu báo giá mà bên ông D, bà N chậm thanh toán).

Đến nay phía Đại lý vẫn cố tình né tránh, kéo dài thời gian thanh toán phần nợ còn lại, làm khó khăn trong việc thu hồi vốn.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận rằng từ ngày đối chiếu công nợ do phía ông D, bà N còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V số tiền nợ gốc là 873.326.000 đồng và lãi là 44.250.000 đồng đến ngày xét xử thì phía ông D và bà H đã trả cho nguyên đơn số tiền cụ thể như sau:

Ngày 26/6/2020 ông D trả 100.000.000 đồng;

Ngày 14/7/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 30/7/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 14/8/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 31/8/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 28/10/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 02/11/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 09/11/2020 ông D trả 50.000.000 đồng;

Ngày 21/01/2021 ông D trả 150.000.000 đồng (Đối với số tiền này thì ông D trả cho số tiền lãi là 44.250.000 đồng và số tiền lãi 17.140.000 đồng = 61.390.000đ tiền lãi);

Ngày 10/3/2021 ông D trả 50.000.000 đồng.

Như vậy, trừ đi số tiền lãi thì nợ gốc phía ông D và bà N còn nợ Doanh nghiệp tư nhân V là 873.326.000 đồng – 588.610.000 đồng (số tiền đã trả) = 284.716.000 đồng.

Nay, Doanh nghiệp tư nhân V yêu cầu ông Nguyễn Hùng D là chủ Đại lý vật tư nông nghiệp H và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) cùng liên đới trả số tiền gốc mua phân bón còn nợ là 284.716.000đ và lãi chậm thanh toán tính từ đến ngày 01/9/2020 đến ngày 08/3/2022 là 62.688.000 đồng lãi, tiếp tục tính lãi từ ngày 09/3/2022 đến khi thanh toán xong số tiền nợ với mức lãi suất 1%/tháng.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Hùng D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, nhưng có văn bản ý kiến như sau:

Ông có mua hàng phân bón với với tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), không có ký hợp đồng nhưng có pha ghi âm lại giọng nói của nhân viên thị trường Công ty V và ông cũng đã thanh toán đủ số tiền đã nợ Công ty V là 1.000.000.0000 đồng (không nhớ ngày tháng năm) và phía Công ty V còn nợ ông 7% tiền chiết khấu mà bên Công ty chưa thanh toán cho ông. Về phần lãi bên Công ty V chưa thỏa thuận bên ông nên chưa tính được.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng không nộp văn bản ý kiến về việc Doanh nghiệp tư nhân V kiện yêu cầu trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: yêu cầu ông Nguyễn Hùng D là Chủ đại lý vật tư nông nghiệp H và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) cùng liên đới trả số tiền gốc mua phân bón còn nợ là 223.326.000 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh chậm thanh toán với lãi suất 1%/tháng từ ngày 20/6/2020 đến khi giải quyết vụ án xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo hồ sơ vụ án dân sự thụ lý quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy ông D và bà N mua vật tư nông nghiệp nhằm mục đích kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận

nên chuyển hồ sơ vụ án dân sự sang hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại là “Tranh chấp kinh doanh thương mại về mua bán hàng hóa theo quy định tại Điều 3 Luật thương mại năm 2005 (Do hợp đồng ký kết vào năm 2019 nên áp dụng luật thương mại năm 2005).

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên thỏa thuận nếu có phát sinh tranh chấp thì chọn Tòa án thành phố Cao Lãnh giải quyết tranh chấp, đồng thời hợp đồng mua bán được ký kết tại thành phố Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh V là Chủ doanh nghiệp tư nhân V yêu cầu ông D và bà N liên đới trả số tiền nợ gốc là 284.716.000 đồng và lãi 62.688.000 đồng, tiếp tục tính lãi từ ngày 09/3/2022 đến khi thanh toán xong số tiền nợ với mức lãi suất 1%/tháng.

Ông Phạm Minh V chứng minh bằng: Hợp đồng mua bán hàng hóa số 0139-NT/HĐMB/2019-2020 ngày 01/9/2019; Bản đối chiếu công nợ ngày 12/11/2019; Bản đối chiếu công nợ ngày 20/6/2020; Bản đối chiếu công nợ ngày 21/4/2020; Bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2020; Bản chi tiết lãi do ông D ký xác nhận; các phiếu báo giá, phiếu xuất kho do ông D và bà N ký nhận.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đến nay đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho ông D và bà N hợp lệ nhưng ông D và bà N vắng mặt không có lý do. Ông D có nộp văn bản ý kiến, bà N không nộp văn bản ý kiến nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D, bà N biết rõ Doanh nghiệp tư nhân V khởi kiện ông D và bà N số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ và lãi nhưng ông D và bà N không hợp tác với phía nguyên đơn, cũng như có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết vụ án.

Để làm rõ số tiền tranh chấp trong vụ án nên Tòa án có thông báo cho ông D, bà N biết vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 15/02/2022 Tòa án có mặt tại nhà ông D, bà N để lấy lời khai làm rõ số tiền nguyên đơn khởi kiện. Đến ngày 15/02/2022 Tòa án kết hợp cùng đại diện Ủy ban nhân dân xã B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An có mặt tại Đại lý vật tư nông nghiệp H thì ông D, bà N không có nhà. Tòa án liên hệ qua điện thoại của ông D yêu cầu ông có mặt để làm việc nhưng ông D và

bà Nguyễn không về để làm việc với Tòa án, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B. Do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn giao nộp tại hồ sơ vụ án để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa số 0139-NT/HĐMB/2019-2020 ngày 01/9/2019 ký kết giữa Bên A là Doanh nghiệp tư nhân V, đại diện là ông Phạm Minh V; Bên B là Cửa hàng vật tư nông nghiệp H, ký đại diện bên mua là bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H). Đồng thời ông Nguyễn Hùng D ký xác nhận công nợ được thể hiện tại các Bản đối chiếu công nợ ngày 12/11/2019; Bản đối chiếu công nợ ngày 20/6/2020; Bản đối chiếu công nợ ngày 21/4/2020; Bản đối chiếu công nợ ngày 31/8/2020; Bản chi tiết lãi; các phiếu xuất kho ký nhận hàng. Tại bản đối chiếu công nợ ngày 20/6/2020 xác nhận nợ gốc là 873.326.000 đồng, lãi tính đến ngày 19/6/2020 là 44.250.000 đồng với mức lãi tính là 1%/tháng (Kèm bản chi tiết lãi do ông Nguyễn Hùng D ký xác nhận). Như vậy, Các bên đã thống nhất và thỏa thuận được số tiền lãi tính đến ngày 19/6/2020 là 44.250.000 đồng.

Mặt dù trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án phía ông D và bà N không có mặt nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận sau khi các bên ký bản đối chiếu công nợ đến khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án thì phía ông D, bà N đã trả được cho nguyên đơn cụ thể số tiền vào ngày 26/6/2020 ông D trả 100.000.000 đồng; Ngày 14/7/2020 ông D trả 50.000.000 đồng; Ngày 30/7/2020 ông D trả 50.000.000 đồng; Ngày 14/8/2020 ông D trả 50.000.000 đồng; Ngày 31/8/2020 ông D trả 50.000.000 đồng; Ngày 28/10/2020 ông D trả 50.000.000 đồng; Ngày 02/11/2020 ông D trả 50.000.000 đồng; Ngày 09/11/2020 ông trả 50.000.000 đồng; Ngày 21/01/2021 ông D trả 150.000.000 đồng; Ngày 10/3/2021 ông D trả 50.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà ông D và bà N đã trả cho Doanh nghiệp tư nhân V sau khi ký bản đối chiếu công nợ ngày 20/6/2020 là 650.000.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc là 873.326,000 đồng trừ cho số tiền đã trả được là 650.000.000 đồng thì số tiền mà ông D và bà N còn nợ gốc đến ngày xét xử là 223.326.000 đồng, chứ không phải 284.716.000 đồng.

Trong số tiền trả vào ngày 21/01/2021 là 150.000.000 đồng mà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng ông D thống nhất trả cho 02 khoảng tiền lãi là 44.250.000 đồng và số tiền lãi 17.140.000 đồng = 61.390.000đ tiền lãi nhưng không có gì chứng minh là ông D xác nhận là số tiền này để trả lãi nên số tiền 150.000.000 đồng trả vào ngày 21/01/2021 được xem là trả vào số tiền gốc là phù hợp.

Tại bản đối chiếu công nợ ngày 21/4/2020 ông D ký xác nhận nợ gốc là 873.326.000đ. Bản đối chiếu công nợ ngày 20/6/2020 thì các bên đã xác nhận số tiền lãi tính đến ngày 19/6/2020 là 44.250.000đ (Kèm bản chi tiết lãi) và nợ tiền

gốc là 873.326.000 đồng. Như vậy, giữa Doanh nghiệp tư nhân V và ông Nguyễn Hùng D đã thống nhất số tiền lãi đến ngày đối chiếu công nợ là 44.250.000đ là phù hợp nên chấp nhận số tiền lãi này.

Đối với lãi được tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày xét xử cụ thể như sau:

1/ Từ ngày 20/6/2020 đến ngày 26/6/2020 của số tiền nợ gốc là $873.326.000đ \times 1\% \times 07 \text{ ngày} = 2.037.760 \text{ đồng}$.

2/ Từ ngày 27/6/2020 đến ngày 13/7/2020 là của số tiền nợ gốc là $773.326.000đ \times 1\% \times 17 \text{ ngày} = 4.382.180 \text{ đồng}$.

3/ Từ ngày 14/7/2020 đến ngày 29/7/2020 của số tiền $723.326.000đ \times 1\% \times 15 \text{ ngày} = 3.616.630 \text{ đồng}$.

4/ Từ ngày 30/7/2020 đến ngày 13/8/2020 là 13 ngày của số tiền gốc $673.326.000đ \times 1\% \times 13 \text{ ngày} = 2.917.746 \text{ đồng}$.

5/ Từ ngày 14/8/2020 đến ngày 30/8/2020 là 16 ngày của số tiền gốc $623.326.000đ \times 1\% \times 16 \text{ ngày} = 3.324.405đ$.

6/ Từ ngày 31/8/2020 đến ngày 27/10/2020 là 01 tháng 27 ngày của số tiền gốc $573.326.000đ \times 1\% \times 27 \text{ ngày} = 10.893.194 \text{ đồng}$.

7/ Từ ngày 28/10/2020 đến 01/11/2020 của số tiền $523.326.000đ \times 1\% \times 05 \text{ ngày} = 872.210 \text{ đồng}$.

8/ Từ ngày 02/11/2020 đến ngày 08/11/2020 của số tiền $473.326.000đ \times 1\% \times 07 \text{ ngày} = 1.104.427 \text{ đồng}$.

9/ Từ ngày 09/11/2020 đến ngày 20/01/2021 của số tiền $423.326.000đ \times 1\% \times 02 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 10.018.708 \text{ đồng}$.

10/ Từ ngày 21/01/2021 đến ngày 09/3/2021 của số tiền $273.326.000đ \times 1\% \times 1 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 4.190.988 \text{ đồng}$.

11/ Từ ngày 10/3/2021 đến ngày 15/3/2022 của số tiền $223.326.000đ \times 1\% \times 12 \text{ tháng} = 26.799.120 \text{ đồng}$.

Như vậy, tiền lãi tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày xét xử là 70.157.368 đồng và số tiền lãi do Doanh nghiệp tư nhân V và ông D ký xác nhận lãi đến ngày 19/6/2020 là 44.250.000đ. Tổng cộng tiền lãi là 114.407.368đ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân V đối với ông Nguyễn Hùng D và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) là có căn cứ chấp nhận một phần đối với số tiền nợ gốc và lãi.

Tại văn bản ý kiến của ông D cho rằng phía Công ty V còn nợ ông D 7% tiền chiết khấu. Tuy nhiên, ông D không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân V, buộc ông D và bà N phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân V số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 223.326.000 đồng và lãi 114.407.000 đồng (đã làm tròn số). Tổng cộng gốc và lãi là 337.733.000 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu của Doanh nghiệp tư nhân V nên Doanh nghiệp tư nhân V phải chịu phần án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 3.069.000 đồng.

Ông D và bà N phải chịu án phí của số tiền phải trả cho Doanh nghiệp tư nhân V là 16.886.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, 24, 50, 306, 317, 319 Luật thương mại;

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Doanh nghiệp tư nhân V.

Buộc ông Nguyễn Hùng D là Chủ đại lý vật tư nông nghiệp H và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) cùng liên đới trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc và lãi là 337.733.000 đồng (Ba trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi ba nghìn đồng) cho Doanh nghiệp tư nhân V.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận là 1%/tháng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Doanh nghiệp tư nhân V phải chịu 3.069.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm ứng 14.809.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007441 ngày 09/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Doanh nghiệp tư nhân V còn được nhận lại số tiền 11.740.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh (Do chị Lạc Hồng D nộp thay).

Ông Nguyễn Hùng D là Chủ đại lý vật tư nông nghiệp H và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) cùng liên đới chịu án phí kinh doanh thương mại là 16.886.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hùng D, bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Thị H) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- CCTHADS Tp Cao Lãnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Mỹ